

Số: 54/2026/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, chế độ tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố
(Thực hiện điểm đ khoản 1 Điều 7 và điểm đ khoản 5 Điều 21 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 129/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Xét Tờ trình số 250/TTr-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết quy định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, chế độ tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 76/BC-BPC ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội; Báo cáo số 228/BC-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội quy định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, chế độ tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố; Báo cáo số 2769/UBND-TH ngày 14 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc giải trình, tiếp thu ý kiến thảo luận Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về các nội dung trình kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XVII; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết quy định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, chế độ tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể; chế độ tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp công lập); đồng thời quy định việc bảo lãnh cho các đơn vị sự nghiệp công lập vay vốn từ các tổ chức tín dụng để đầu tư trang thiết bị công nghệ cao.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội, bao gồm:

- a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố;
- b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố;
- c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố;
- d) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục và tương đương thuộc sở, ban, ngành;
- đ) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội, các tổ chức tín dụng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc bảo lãnh cho đơn vị sự nghiệp công lập vay vốn đầu tư trang thiết bị công nghệ cao.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, thực hiện cơ chế tự chủ và quản lý hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

Chương II

THẨM QUYỀN, NGUYÊN TẮC, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 3. Thẩm quyền quyết định, nguyên tắc thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thẩm quyền quyết định:

- a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành

phố, bao gồm: đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ban, ngành; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục và tương đương thuộc sở.

b) Đối với các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản này, thẩm quyền quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

2. Nguyên tắc thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập

a) Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch mạng lưới đơn vị sự nghiệp công lập, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô và quy định của pháp luật; không làm chông chéo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động giữa các đơn vị;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập chỉ được thành lập mới khi thực sự cần thiết, có căn cứ xác định nhu cầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực và nguồn tài chính để hoạt động ổn định, bền vững; ưu tiên thực hiện cơ chế tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, trừ trường hợp cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu theo quy định của pháp luật;

c) Việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập phải nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng cung ứng dịch vụ công; không làm tăng số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền giao; bảo đảm thực hiện đúng quy định về cơ cấu tổ chức, số lượng cấp phó và yêu cầu tinh giản biên chế theo quy định;

d) Đơn vị sự nghiệp công lập được xem xét tổ chức lại hoặc giải thể khi hoạt động không hiệu quả, không còn phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước hoặc nhu cầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công; có chức năng, nhiệm vụ trùng lặp với đơn vị khác hoặc không bảo đảm điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật;

đ) Việc tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập phải bảo đảm kế thừa, xử lý đầy đủ quyền, nghĩa vụ, tài sản, tài chính, hồ sơ, dữ liệu, các chương trình, nhiệm vụ đang thực hiện và chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật; không làm gián đoạn việc cung ứng dịch vụ sự nghiệp công;

e) Khuyến khích tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực, cung ứng nhiều dịch vụ sự nghiệp công cùng loại hoặc có tính chất tương đồng nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, khai thác cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và giảm đầu mỗi tổ chức.

Điều 4. Trình tự, thủ tục thành lập đơn vị sự nghiệp công lập

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giao cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố chủ trì xây dựng Đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này (sau đây gọi là cơ quan chủ trì xây dựng Đề án).

2. Đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập phải có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Sự cần thiết, cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn của việc thành lập đơn vị;
- b) Mục tiêu, phạm vi hoạt động, đối tượng phục vụ và danh mục dịch vụ sự nghiệp công dự kiến cung cấp;
- c) Tên gọi, loại hình tổ chức, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị;
- d) Dự kiến vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và phương án bố trí nhân sự;
- đ) Cơ chế tài chính, mức độ tự chủ, nguồn kinh phí hoạt động, điều kiện về cơ sở vật chất, trụ sở, trang thiết bị và các điều kiện bảo đảm hoạt động khác;
- e) Đánh giá tác động đối với tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, nhu cầu ngân sách nhà nước, khả năng tự chủ tài chính và hiệu quả cung ứng dịch vụ sự nghiệp công sau khi thành lập đơn vị;
- g) Phương án tổ chức thực hiện và lộ trình triển khai hoạt động;
- h) Các nội dung khác theo yêu cầu quản lý nhà nước và quy định của pháp luật.

3. Cơ quan chủ trì xây dựng Đề án có trách nhiệm xây dựng Tờ trình thành lập đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm tham gia ý kiến bằng văn bản. Quá thời hạn trên mà không có ý kiến thì được xem là thống nhất với nội dung dự thảo.

4. Sau khi hoàn thiện hồ sơ, cơ quan chủ trì xây dựng Đề án gửi hồ sơ đến Sở Nội vụ để thẩm định.

Hồ sơ đề nghị thẩm định bao gồm: Văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan chủ trì xây dựng đề án; Dự thảo tờ trình thành lập đơn vị sự nghiệp công lập; Dự thảo đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập; Dự thảo Quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập; Văn bản của cấp có thẩm quyền về chủ trương thành lập đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có); Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Sở Nội vụ có trách nhiệm thẩm định sự cần thiết thành lập đơn vị; việc đáp ứng các điều kiện thành lập; vị trí việc làm, số lượng người làm việc; cơ cấu tổ chức; cơ chế tài chính; các điều kiện bảo đảm hoạt động và các nội dung khác có liên quan.

5. Hồ sơ trình thành lập đơn vị sự nghiệp công lập gồm:

- a) Tờ trình thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;
- b) Đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;
- c) Dự thảo Quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Văn bản của cấp có thẩm quyền về chủ trương thành lập đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có);

đ) Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan;

e) Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ;

g) Các tài liệu khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

6. Thời hạn giải quyết việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Thời hạn thẩm định là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Nội vụ phải có văn bản thẩm định gửi cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thành lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xem xét, quyết định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 5. Trình tự, thủ tục tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập

1. Đề án, tờ trình tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố chủ trì xây dựng đề án tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này (sau đây gọi là cơ quan chủ trì xây dựng đề án);

b) Nội dung đề án tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm: Sự cần thiết và cơ sở chính trị, pháp lý, thực tiễn; Thực trạng tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập trước khi tổ chức lại; Phương án tổ chức lại về chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy, phương án nhân sự, tài chính, tài sản, đất đai, đánh giá tác động của phương án và các vấn đề khác có liên quan; Trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và các cá nhân có liên quan đối với việc thực hiện phương án tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập và thời hạn xử lý;

c) Nội dung tờ trình tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm: Sự cần thiết và cơ sở chính trị, pháp lý, thực tiễn; Quá trình xây dựng đề án; Nội dung chính của đề án; Những vấn đề còn có ý kiến khác nhau và những vấn đề liên quan.

2. Đề án, tờ trình giải thể đơn vị sự nghiệp công lập

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố chủ trì xây dựng đề án giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này (sau đây gọi là cơ quan chủ trì xây dựng đề án);

b) Nội dung đề án giải thể đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm: Sự cần thiết và cơ sở pháp lý của việc giải thể; Phương án xử lý về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản, đất đai, đánh giá tác động của phương án và các vấn đề khác có liên quan; ý kiến của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác liên quan (nếu có); Trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và các cá nhân có liên

quan đối với việc thực hiện phương án giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và thời hạn xử lý;

c) Nội dung tờ trình giải thể đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm: Sự cần thiết và cơ sở chính trị, pháp lý, thực tiễn; Quá trình xây dựng đề án; Nội dung chính của đề án; Những vấn đề còn có ý kiến khác nhau và những vấn đề liên quan.

3. Hồ sơ, trình tự tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập

a) Hồ sơ tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm: Đề án tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Tờ trình tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Dự thảo Quyết định tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Văn bản thông báo ý kiến của cấp có thẩm quyền về chủ trương tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có); Các văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan (nếu có) trong trường hợp giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Văn bản ý kiến của cơ quan thẩm định;

b) Việc lấy ý kiến tham gia của cơ quan, tổ chức có liên quan; trình tự gửi và tiếp nhận hồ sơ, thẩm định; xử lý hồ sơ và thời hạn giải quyết việc tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện như quy định đối với việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Điều 4 Nghị quyết này.

Chương III

CHẾ ĐỘ TỰ CHỦ VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY, NHÂN SỰ, TÀI CHÍNH VÀ VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 6. Chế độ tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập

1. Đơn vị sự nghiệp công lập được phân loại mức độ tự chủ tài chính thuộc đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1), đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2) và đơn vị tự bảo đảm từ 70% chi thường xuyên trở lên (nhóm 3) được giao quyền tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Nghị quyết này.

Căn cứ phương án tự chủ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện các quyền tự chủ quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Nghị quyết này.

2. Việc giao quyền tự chủ cho đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1 Điều này phải bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; năng lực quản trị, điều hành của đơn vị; khả năng cung ứng dịch vụ sự nghiệp công và yêu cầu quản lý nhà nước đối với từng ngành, lĩnh vực.

3. Việc thực hiện quyền tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và thực hiện nhiệm vụ phải bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả; gắn quyền tự chủ với trách nhiệm giải trình của người đứng đầu đơn vị; bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công được giao và không

làm phát sinh nghĩa vụ về ngân sách nhà nước, tài sản công ngoài phạm vi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ có trách nhiệm:

a) Bảo đảm duy trì và nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; thực hiện đầy đủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên môn, kỹ thuật và các điều kiện cung ứng dịch vụ theo quy định;

b) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công, quy chế dân chủ ở cơ sở, quy chế công khai tài chính, quy chế kiểm soát nội bộ và các quy chế khác theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình đối với hoạt động của đơn vị; công khai phương án tự chủ, tình hình thực hiện nhiệm vụ, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản công, tuyển dụng, sử dụng người làm việc và các nội dung khác theo quy định;

d) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, báo cáo; chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

đ) Định kỳ hàng năm báo cáo cơ quan quản lý cấp trên về kết quả thực hiện cơ chế tự chủ; đánh giá hiệu quả hoạt động, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, hiệu quả sử dụng nguồn lực và khả năng duy trì mức độ tự chủ được giao.

5. Cơ quan quản lý cấp trên có trách nhiệm định kỳ kiểm tra, đánh giá việc thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; trường hợp đơn vị không còn đáp ứng điều kiện hoặc không bảo đảm chất lượng, hiệu quả hoạt động theo phương án tự chủ đã được phê duyệt hoặc để xảy ra vi phạm trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công, tuyển dụng, sử dụng người làm việc thì xem xét điều chỉnh mức độ tự chủ hoặc xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập chịu trách nhiệm toàn diện về việc thực hiện các quyền tự chủ được giao theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Nghị quyết này; trường hợp để xảy ra vi phạm trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công, tuyển dụng, sử dụng người làm việc hoặc không hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu theo phương án tự chủ được phê duyệt thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nội dung tự chủ về tổ chức bộ máy

1. Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ được quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc không thuộc cơ cấu tổ chức bắt buộc do cơ quan có thẩm quyền quy định, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động, vị trí việc làm, khả năng tự chủ tài chính và yêu cầu nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

2. Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc phải đáp ứng các tiêu chí, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật; không làm tăng số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước và bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, tài sản công được giao.

3. Đối với các đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức đã được cơ quan có thẩm quyền quy định, đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm xây dựng phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động phù hợp với cơ cấu tổ chức được kiện toàn; đồng thời thực hiện công khai các quyết định về tổ chức bộ máy theo quy định của pháp luật.

5. Khung số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc thực hiện theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập và quy định chuyên ngành có liên quan; việc thực hiện quyền tự chủ về tổ chức bộ máy không làm thay đổi hoặc vượt quá số lượng cấp phó đã được cấp có thẩm quyền quy định.

6. Cơ quan quản lý cấp trên có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyền tự chủ về tổ chức bộ máy; trường hợp việc tổ chức bộ máy không bảo đảm hiệu quả hoạt động hoặc không phù hợp với phương án tự chủ đã được phê duyệt thì yêu cầu đơn vị rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Điều 8. Nội dung tự chủ về nhân sự

1. Đơn vị sự nghiệp công lập được quyết định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và mức độ tự chủ tài chính của đơn vị theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập được chủ động tuyển dụng, sử dụng, bố trí, phân công, điều động, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện các chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật và quy chế của đơn vị.

3. Căn cứ mức độ, tính chất công việc và khả năng bảo đảm nguồn tài chính của đơn vị, đơn vị sự nghiệp công lập được ký kết hợp đồng lao động, hợp đồng thuê, khoán công việc để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ hoặc các công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định của Luật Viên chức, Bộ luật Lao động, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Việc ký kết hợp đồng lao động, hợp đồng thuê, khoán công việc phải bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng nhu cầu sử dụng; không được làm phát sinh tăng biên chế, tăng số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước; không được sử dụng lao động hợp đồng để thay thế toàn bộ vị trí việc làm viên chức theo cơ cấu đã được phê duyệt hoặc thực hiện các công việc thuộc chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

5. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên và trước pháp luật về việc quyết định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức, tuyển dụng, sử dụng người làm việc và việc ký kết các loại hợp đồng theo quy định tại Điều này; bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, nguồn lực tài chính và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

6. Việc thực hiện quyền tự chủ về nhân sự phải bảo đảm phù hợp với chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức và không làm ảnh hưởng đến chất lượng cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

Điều 9. Nội dung tự chủ về thực hiện nhiệm vụ

1. Tự chủ trong xây dựng kế hoạch hoạt động

Hằng năm, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chiến lược phát triển của đơn vị, nhu cầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công và khả năng nguồn lực của đơn vị, đơn vị sự nghiệp công lập chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch cung ứng dịch vụ sự nghiệp công và kế hoạch phát triển của đơn vị theo quy định của pháp luật; báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để theo dõi, kiểm tra và giám sát việc thực hiện.

2. Tự chủ về tổ chức thực hiện nhiệm vụ

a) Đối với nhiệm vụ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao

Chủ động tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch được giao (nhiệm vụ đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu sử dụng ngân sách nhà nước (thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách) theo đúng tiến độ, chất lượng và khối lượng quy định, bảo đảm tiêu chuẩn chuyên môn, quy trình tác nghiệp, quy trình kỹ thuật và phân công nhân lực phù hợp với tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

b) Đối với hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách

Quyết định các biện pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch hoạt động của đơn vị; phát triển các hoạt động dịch vụ sự nghiệp công phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; bảo đảm chất lượng, hiệu quả, tiến độ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng dịch vụ, bảo đảm các tiêu chí, tiêu chuẩn đối với loại hình dịch vụ.

Chủ động đổi mới phương thức quản lý, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, cải tiến quy trình nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công và hiệu quả hoạt động của đơn vị.

Được tham dự đấu thầu cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đơn vị; hợp tác, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân (trong và ngoài nước) phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đơn vị để tổ chức hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, đáp ứng nhu cầu của xã hội; chủ động khai thác, sử dụng tài sản, cơ sở vật chất và các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ và phát triển hoạt động dịch vụ theo quy định của pháp luật.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên và trước pháp luật về việc thực hiện quyền tự chủ trong thực hiện nhiệm vụ; bảo đảm chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ.

4. Cơ quan quản lý cấp trên có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập; trường hợp phát hiện vi

phạm hoặc việc thực hiện quyền tự chủ không bảo đảm hiệu quả, chất lượng theo mục tiêu được giao thì xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nội dung tự chủ tài chính

1. Đối với chi thường xuyên giao tự chủ

a) Được áp dụng các chế độ, chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng của thành phố Hà Nội để quyết định mức chi cụ thể tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ được giao, khả năng tài chính và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;

b) Được quyết định nội dung chi và mức chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý phù hợp với đặc điểm, tình hình, yêu cầu nhiệm vụ, khả năng tài chính và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;

c) Được thực hiện chế độ công tác phí nước ngoài, chế độ tiếp khách nước ngoài và hội thảo quốc tế ở Việt Nam bằng, lớn hơn hoặc nhỏ hơn mức chi so với các quy định hiện hành của Nhà nước, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và khả năng tài chính và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Đối với chi thường xuyên không giao tự chủ

Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc nhóm 2, nhóm 3 (đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên từ 70% trở lên) được cấp có thẩm quyền giao kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị, cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất, phương tiện đi lại nhằm duy trì hoạt động và phát triển của đơn vị và phải đảm bảo về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật và theo khả năng cân đối ngân sách.

Việc mua sắm tài sản, trang thiết bị, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định pháp luật ngân sách nhà nước, pháp luật đấu thầu, pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định có liên quan.

3. Đối với việc trích lập, sử dụng các quỹ

a) Đơn vị sự nghiệp công lập được quyết định mức trích lập và sử dụng Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi và Quỹ bổ sung thu nhập phù hợp với kết quả hoạt động, kết quả tài chính trong năm và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập được quyết định sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất; mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc, phương tiện đi lại của đơn vị và tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư xây dựng, pháp luật đấu thầu, pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công; đảm bảo cân đối, phù hợp, không trùng lặp với nhiệm vụ đã được bố trí từ nguồn vốn đầu tư công và nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước;

c) Trường hợp số dư Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công vượt quá 2 lần mức trích khấu hao và hao mòn tài sản cố định hằng

năm của đơn vị và đơn vị chưa có nhu cầu sử dụng để đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, thì được chuyển sang năm sau để tiếp tục quản lý, sử dụng theo quy định.

Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm quản lý, sử dụng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp đúng quy định, hiệu quả, không gây thất thoát, lãng phí. Định kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, đơn vị có trách nhiệm báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, số dư quỹ phát triển hoạt động gửi cơ quan cấp trên trực tiếp và các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, pháp luật về kế toán và các quy định hiện hành.

4. Các đơn vị sự nghiệp công lập được chủ động khai thác, sử dụng tài sản công tại đơn vị vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết để tạo nguồn thu hoạt động sự nghiệp và phải bảo đảm theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; các Nghị định của Chính phủ; các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố và các quy định có liên quan.

5. Thực hiện lộ trình nâng mức tự chủ tài chính

Các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện lộ trình nâng mức tự chủ tài chính theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Riêng đối với các đơn vị thuộc nhóm 3 (đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên từ 70% trở lên) quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết này phải thực hiện nâng mức tự chủ tài chính lên nhóm 2 trước năm cuối của thời kỳ ổn định (05 năm) tối thiểu 01 năm.

Điều 11. Giao quyền tự chủ cho đơn vị sự nghiệp công lập

1. Giao quyền tự chủ tài chính

a) Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (đơn vị dự toán cấp I) quyết định giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan tài chính cùng cấp;

b) Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc cơ quan chuyên môn về tài chính được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp hoặc ủy quyền quyết định giao quyền tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và các trường hợp khác theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố;

c) Trong thời kỳ ổn định, trường hợp có thay đổi mức độ tự chủ tài chính, đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm xây dựng lại phương án tự chủ tài chính theo quy định và gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt trong quý I của năm liền kề sau năm phát sinh thay đổi để áp dụng cho thời gian còn lại của thời kỳ ổn định.

2. Giao quyền tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự và thực hiện nhiệm vụ

Căn cứ quyết định giao quyền tự chủ tài chính và phương án tự chủ được phê duyệt, cơ quan có thẩm quyền quyết định giao quyền tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự và thực hiện nhiệm vụ đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc nhóm

1, nhóm 2 và nhóm 3 tự bảo đảm từ 70% chi thường xuyên trở lên theo quy định của Nghị quyết này.

3. Đối với đơn vị thuộc nhóm 3 tự bảo đảm từ 70% chi thường xuyên trở lên, trường hợp không đạt mục tiêu nâng mức độ tự chủ tài chính theo lộ trình quy định tại khoản 5 Điều 10 của Nghị quyết này, cơ quan có thẩm quyền căn cứ nguyên nhân, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và điều kiện thực tế để xem xét điều chỉnh hoặc chấm dứt việc áp dụng một phần hoặc toàn bộ các cơ chế tự chủ quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Nghị quyết này đối với thời gian còn lại của thời kỳ ổn định.

4. Việc xác định mức độ tự chủ và giao quyền tự chủ trong thời kỳ ổn định tiếp theo được thực hiện trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết quả tài chính, mức độ hoàn thành lộ trình tự chủ của thời kỳ trước và phương án tự chủ của thời kỳ tiếp theo; bảo đảm phù hợp với yêu cầu nâng cao hiệu quả hoạt động và lộ trình đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập của Thành phố.

Chương IV

BẢO LÃNH CHO ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP ĐỂ VAY VỐN TỪ CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐỂ ĐẦU TƯ TRANG THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ CAO

Điều 12. Đối tượng và nguyên tắc bảo lãnh

1. Đối tượng được bảo lãnh

a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư có nhu cầu vay vốn của tổ chức tín dụng để đầu tư, nâng cấp, đổi mới trang thiết bị công nghệ cao;

b) Đơn vị đề nghị bảo lãnh phải có phương án đầu tư khả thi, có khả năng hoàn trả vốn vay, không có nợ xấu tại thời điểm đề nghị bảo lãnh và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật và quy định của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội;

c) Trang thiết bị công nghệ cao được xác định theo quy định của Luật Công nghệ cao, các văn bản hướng dẫn thi hành, danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển của Thủ tướng Chính phủ và danh mục công nghệ chiến lược ưu tiên của thành phố Hà Nội do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Nguyên tắc bảo lãnh

a) Việc bảo lãnh được thực hiện trên cơ sở thẩm định đầy đủ về năng lực tài chính, khả năng trả nợ và mức độ rủi ro của khoản vay được bảo lãnh;

b) Việc bảo lãnh không làm phát sinh nghĩa vụ trực tiếp của ngân sách nhà nước; đơn vị được bảo lãnh phải chịu trách nhiệm đầy đủ đối với nghĩa vụ trả nợ của khoản vay được bảo lãnh;

c) Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội chỉ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong phạm vi cam kết bảo lãnh đã ký kết và theo quy định của pháp luật;

d) Bảo đảm nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội; kiểm soát chặt chẽ rủi ro tài chính và khả năng phát sinh nghĩa vụ trả nợ thay;

đ) Việc bảo lãnh phải được thực hiện công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích, đúng thẩm quyền và bảo đảm hiệu quả đầu tư.

e) Đơn vị được bảo lãnh có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát và hoàn trả toàn bộ số tiền Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay (nếu có) theo quy định;

g) Không xem xét bảo lãnh đối với các khoản vay để bù đắp chi thường xuyên, thanh toán nợ đến hạn, cơ cấu lại các khoản nợ hiện có hoặc các mục đích không trực tiếp phục vụ đầu tư trang thiết bị công nghệ cao theo quy định của Nghị quyết này.

Điều 13. Bảo lãnh vay vốn đầu tư trang thiết bị công nghệ cao

1. Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội được thực hiện bảo lãnh cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đối tượng quy định tại Điều 12 Nghị quyết này vay vốn tại các tổ chức tín dụng để đầu tư trang thiết bị công nghệ cao; được thu phí bảo lãnh đối với các khoản bảo lãnh đã cấp theo quy định.

2. Việc cấp bảo lãnh phải được thực hiện trên cơ sở hồ sơ đề nghị bảo lãnh, kết quả thẩm định năng lực tài chính, khả năng trả nợ, hiệu quả phương án đầu tư và mức độ rủi ro của khoản vay; bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 12 Nghị quyết này.

3. Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội có trách nhiệm:

a) Ban hành quy trình nghiệp vụ bảo lãnh, quy chế quản lý rủi ro và các biểu mẫu liên quan theo quy định của pháp luật; xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành mức phí bảo lãnh trong quá trình thực hiện.

b) Tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị bảo lãnh; theo dõi, giám sát việc sử dụng vốn vay, tình hình thực hiện dự án đầu tư và khả năng trả nợ của đơn vị được bảo lãnh.

c) Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong phạm vi cam kết bảo lãnh đã ký kết khi phát sinh trường hợp phải trả nợ thay theo quy định.

d) Thực hiện các biện pháp thu hồi đầy đủ các khoản đã trả nợ thay, lãi phát sinh và các chi phí hợp pháp khác từ đơn vị được bảo lãnh theo quy định của pháp luật và hợp đồng bảo lãnh.

4. Đơn vị được bảo lãnh có trách nhiệm:

a) Sử dụng vốn vay đúng mục đích, đúng phương án đầu tư đã được phê duyệt;

b) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với tổ chức tín dụng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết;

c) Cung cấp đầy đủ, trung thực hồ sơ, tài liệu và các thông tin liên quan đến khoản vay, phương án đầu tư theo yêu cầu của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội và cơ quan có thẩm quyền;

d) Hoàn trả đầy đủ cho Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội số tiền đã trả nợ thay, lãi phát sinh và các chi phí liên quan theo quy định của pháp luật và cam kết bảo lãnh.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản hướng dẫn, quy định chi tiết để bảo đảm thực hiện thống nhất, đồng bộ trên phạm vi toàn Thành phố;

b) Chỉ đạo rà soát, đánh giá hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố; xây dựng lộ trình thực hiện việc thành lập, tổ chức lại, giải thể và nâng mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Nghị quyết;

c) Ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội để thực hiện nhiệm vụ bảo lãnh cho các đơn vị sự nghiệp công lập vay vốn đầu tư trang thiết bị công nghệ cao; quy định mức phí bảo lãnh trong quá trình thực hiện;

d) Chỉ đạo tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế tự chủ; việc quản lý, sử dụng các quỹ của đơn vị sự nghiệp công lập; việc quản lý, sử dụng tài sản công và thực hiện chính sách bảo lãnh vay vốn theo quy định của pháp luật;

đ) Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết; kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện để xem xét, điều chỉnh, hoàn thiện cơ chế, chính sách theo thẩm quyền.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền, vận động và tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố

Hà Nội quy định trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội hết hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại các quy định nêu trên được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; các quyết định giao quyền tự chủ; các phương án tự chủ tài chính và các văn bản khác đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực tiếp tục được thực hiện cho đến khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ theo quy định của pháp luật và Nghị quyết này.

2. Đối với các hồ sơ, đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận nhưng chưa được quyết định trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì được tiếp tục xem xét, giải quyết theo quy định của Nghị quyết này; trường hợp đã hoàn thành một phần trình tự, thủ tục theo quy định trước đây thì không phải thực hiện lại các nội dung đã hoàn thành, trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền yêu cầu để bảo đảm phù hợp với quy định của Nghị quyết này.

3. Các đơn vị sự nghiệp công lập đang thực hiện cơ chế tự chủ tài chính trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo quyết định đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho đến khi được xem xét, điều chỉnh hoặc phê duyệt lại theo quy định của Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVII, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 15 tháng 6 năm 2026. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Cục KTVB và Tổ chức THPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố Hà Nội;
- Các Ban Đảng Thành ủy, Văn phòng Thành ủy;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các VP: Đoàn ĐBQH&HĐND TP, UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Trung tâm TT, DL và CNS Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phùng Thị Hồng Hà